

Kh. a h c : L, p h c : 36CXD6 N L m h c : 2012-2013 n VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S	L, P SV	H, Vê TậN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031091	36CXD6	V» q inh C¹ ng TuÊn Anh	23/12/1994				4.0			4.0	1.2	5.4	3.8	5.0	
2	3671031254	36CXD6	Trfñ Trung Cang	26/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HP
3	3671031212	36CXD6	Lê Quang Cfu	18/10/1994				6.0			6.0	1.8	6.1	4.3	6.1	
4	3671031117	36CXD6	Nguy, n Vln CÊ ng	20/09/1994				7.2			7.2	2.2	5.4	3.8	5.9	
5	3671031576	36CXD6	Trfñ Minh CÊ ng	26/11/1994				5.6			5.6	1.7	3.4	2.4	4.1	
6	3671031187	36CXD6	Hà Quang Duy	27/07/1994				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
7	3671031089	36CXD6	L° q ãnh q ñng	20/10/1994				0.0			0.0	0.0	5.3	3.7	3.7	N° HP
8	3671031088	36CXD6	B¼ Vln q ñnh	05/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
9	3671031121	36CXD6	Nguy, n Thanh Hñ	24/01/1994				6.3			6.3	1.9	7.2	5.0	6.9	
10	3671031231	36CXD6	Nguy, n ThJ Hñ	20/10/1994				7.2			7.2	2.2	5.4	3.8	5.9	
11	3671031227	36CXD6	Bùi Xuân H, i	16/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		BL
12	3671031125	36CXD6	Hu8nh Vln Huy	16/10/1994				9.1			9.1	2.7	8.5	6.0	8.7	
13	3671031873	36CXD6	Phan Huy	13/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
14	3671031179	36CXD6	Trfñ Quang Huy	20/10/1994				4.0			4.0	1.2	5.6	3.9	5.1	
15	3671031186	36CXD6	Nguy, n ThJ Hùng	15/05/1994				8.6			8.6	2.6	9.0	6.3	8.9	
16	3671031154	36CXD6	Nguy, n Khê Khang Nguy°n	14/03/1993				3.7			3.7	1.1	4.7	3.3	4.4	
17	3671031185	36CXD6	Hu8nh Nh, t Khuê	10/11/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
18	3671031236	36CXD6	Thñi Vln Lâm	15/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
19	3671032022	36CXD6	H° Trfñ Lâm	21/09/1994				6.9			6.9	2.1	5.6	3.9	6.0	N° HP

Khả năng :	Lưu trữ : 36CXD6	Năm học : 2012-2013	Ngày VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
Hạng :	Học phần : 122067200805 - Vết tích di dân	Học kỳ : HK02	

STT	Mã S´	L _u P SV	H ^o Vê TậN	NGÀY SINH	ậ IqM THê NH PHẫN						TBC	QUY TS: 30.00%	ậ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ậ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031230	36CXD6	Nguy _x n Ho ^o ng Lâm	23/11/1994				9.7			9.7	2.9	8.4	5.9	8.8	
21	3671031577	36CXD6	Nguy _x n Th ^o nh Long	11/08/1992				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	N ^o HP
22	3671031142	36CXD6	ậ Hậ H _u L _c	11/09/1994				5.5			5.5	1.7	4.1	2.9	4.5	
23	3671031253	36CXD6	Trậ Xu ^o Minh	02/04/1994				8.6			8.6	2.6	7.7	5.4	8.0	
24	3671031268	36CXD6	Trậ Ho ^o i Nam	23/03/1994				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
25	3671031129	36CXD6	Nguy _x n VậN Ninh	05/06/1994				8.5			8.5	2.6	6.2	4.3	6.9	
26	3671031241	36CXD6	H ^o Tr ² Nghậ	18/04/1994				8.7			8.7	2.6	7.9	5.5	8.1	
27	3671032047	36CXD6	Nguy _x n H _u Nghậ	28/03/1994				5.5			5.5	1.7	3.1	2.2	3.8	
28	3671031177	36CXD6	Võ Quang Minh Nhậ	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N ^o HPCT
29	3671031174	36CXD6	Nguy _x n VậN Pha	20/06/1993				6.8			6.8	2.0	4.6	3.2	5.3	
30	3671031099	36CXD6	Nguy _x n Ho ^o ng Phú	24/12/1994				7.2			7.2	2.2	7.1	5.0	7.1	
31	3671031130	36CXD6	Lê Hoàng Phúc	04/09/1994				7.3			7.3	2.2	5.4	3.8	6.0	
32	3671031958	36CXD6	Ho ^o ng Nhậ Phậ	20/04/1993				7.4			7.4	2.2	7.8	5.5	7.7	
33	3671031126	36CXD6	ậ ^o Tậ Quân	12/06/1994				1.5			1.5	0.5	5.1	3.6	4.0	
34	3671031595	36CXD6	Nguy _x n Ng ^o c Quy ^o	30/08/1993				5.0			5.0	1.5	5.9	4.1	5.6	
35	3671031181	36CXD6	Nguy _x n VậN Quy ^o	12/08/1994				5.3			5.3	1.6	0.0	0.0	1.6	
36	3671031096	36CXD6	Trậ Do ^o n Đt Quy ^o	20/05/1991				6.3			6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
37	3671031086	36CXD6	Nguy _x n Minh Quý	23/12/1993				5.7			5.7	1.7	3.0	2.1	3.8	
38	3671031257	36CXD6	V» Ng ^o c Sáng	04/10/1994				8.5			8.5	2.6	6.8	4.8	7.3	

Kh. a h c : **L p h c :** 36CXD6 **N l m h c :** 2012-2013 **n VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H n T : **H c ph n :** 122067200805 - V l k: thu t x y d ng **H c k8 :** HK02

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031214	36CXD6	Nguy n q c Tài	28/08/1994				7.1			7.1	2.1	5.4	3.8	5.9	
40	3671031232	36CXD6	Ph qm Têh Tài	20/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
41	3671031122	36CXD6	Ngô Bình Tâm	28/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
42	3671031164	36CXD6	Bùi Minh Ti Jh	04/02/1994				7.7			7.7	2.3	7.1	5.0	7.3	
43	3671031160	36CXD6	L o q 3nh T nh	05/03/1994				8.4			8.4	2.5	5.9	4.1	6.7	
44	3671031261	36CXD6	Nguy n Sq Tuêh	10/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
45	3671031260	36CXD6	V» H ng Tuêh	20/02/1994				5.0			5.0	1.5	6.3	4.4	5.9	
46	3671031264	36CXD6	q Vi t Th ng	30/05/1993				6.0			6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
47	3671031166	36CXD6	Vy L o ThW Th c	26/10/1993				5.3			5.3	1.6	1.5	1.1	2.6	
48	3671031248	36CXD6	Ph qm Minh Trí	06/11/1994				0.0			0.0	0.0	3.2	2.2	2.2	
49	3671031252	36CXD6	L o Vên Trung	09/03/1993				8.4			8.4	2.5	7.3	5.1	7.6	
50	3671031228	36CXD6	L o q Ho ng Vi t	19/06/1993				9.3			9.3	2.8	6.4	4.5	7.3	
51	3671031175	36CXD6	q Têh Ý	19/01/1993				8.5			8.5	2.6	4.5	3.2	5.7	

T'ng s' : 51 h' c sinh sinh vi' n

Tr'ng Khoa

Gi'ng Vi' n B' M' n

Gi'ng V' Khoa

Tp.HCM, ngà y / /